TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 03-5-2024
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vũ
2. Ông Bùi Văn Mưa Lớn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 43/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 44/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Kiều H** , sinh năm 1981; Nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: **Ông Lê Thanh T,** sinh năm 1979; Nơi cư trú: : ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bà H có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2023 cũng như trong quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị Kiều H trình bày*:**

Bà và ông T do quen biết tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 28/6/1999. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có với nhau 02 con chung tên Lê Thanh H, sinh ngày 31/7/2001 và Lê Thanh D, sinh ngày 04/4/2009. Đến năm 2021 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống,

ông T không lo làm ăn, không chăm sóc vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn đối với ông T.

Về con chung: Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thanh D, sinh ngày 04/4/2009, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Lê Thanh H, sinh ngày 31/7/2001, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: Không có

Ông Lê Thanh T vắng mặt tại phiên toà cũng như trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày

Theo biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 02/4/2024 cháu Lê Thanh H trình bày: Hiện cháu đang sống chung với mẹ, sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ. Đây là ý kiến tự nguyện của cháu không ai ép buộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm cho rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên vi phạm quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông T cụ thể:

+ Về hôn nhân: bà H và ông T được ly hôn với nhau.

+ Về con chung: Sau khi ly hôn bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thanh D, sinh ngày 04/4/2009, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu. Đối với con chung tên Lê Thanh H, sinh ngày 31/7/2001, hiện đã trưởng thành, bà H và ông T không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: bà H khai không có nên không xem xét giải quyết

+ Về nợ chung: bà H khai không có nên không xem xét giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2023 của bà Nguyễn Thị Kiều H đối với ông Lê Thanh T thì vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Mỏ Cày Bắc.

Ông Lê Thanh T có nơi cư trú tại xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ cũng như thông báo hòa giải cho ông T đến Tòa để tiến hành hòa giải nhưng ông T vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cũng đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông T đến để tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không rõ lý do đồng thời trong quá trình tố tụng bà H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt . Do đó, căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T và bà H là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Kiều H và ông Lê Thanh T tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 28/6/1999 tại UBND xã Thạnh Ngãi, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông bà cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của bà H là có căn cứ nên được chấp nhận, bởi lẽ sau khi Toà thụ lý hồ sơ vụ án đã ra thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải cho ông T biết để ông đến Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia hoà giải với bà H nhằm tìm biện pháp tích cực để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng ông T vẫn cố tình không đến, điều đó chứng tỏ ông T cũng không có thiện chí đoàn tụ với bà H. Nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông T là phù hợp.

2.2. Về con chung:

Trong thời gian chung sống bà Nguyễn Thị Kiều H và ông Lê Thanh T có 02 con chung tên Lê Thanh H, sinh ngày 31/7/2001 và Lê Thanh D, sinh ngày 04/4/2009. Hiện tại cháu Duy đang sống với bà H, cháu Duy cũng có nguyện vọng sống chung với bà H, đồng thời bà H cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông T cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà H. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu Duy không bị thay đổi, không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, Hội đồng xét xử thấy rằng nên giao cháu Duy cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Do bà H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Đối với con chung tên Lê Thanh H, sinh ngày 31/7/2001, anh Hiếu hiện đã trưởng thành, đồng thời bà H và ông T cũng không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung: Bà H khai không có nên không xem xét giải quyết

2.4 Về nợ chung: Bà H khai không có nên không xem xét giải quyết

[3] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Kiều H phải có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 điểm, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, 53, 54, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều H đối với ông Lê Thanh T, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều H và ông Lê Thanh T được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thanh D, sinh ngày 04/4/2009, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

Ông Lê Thanh T được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung tên Lê Thanh H, sinh ngày 31/7/2001, hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

3 Về tài sản chung: Bà H khai không có nên không xem xét giải quyết

4. Về nợ chung: Bà H khai không có nên không xem xét giải quyết

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Kiều H có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003119 ngày 28/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

***Nơi nhận*:**
- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- UBND xã Thạnh Ngãi (1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm